

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ
ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA**

(nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 28
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đường sắt Thanh Hóa nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHAI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Đường sắt Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800190392 ngày 29 tháng 4 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Từ ngày 04 tháng 01 năm 2016, Công ty chuyển đổi hình thức sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Vốn điều lệ tại ngày 03 tháng 01 năm 2016 của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH là **16.422.124.500** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết san lấp mặt bằng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết tư vấn lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc vốn chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản; cho thuê mặt bằng, kho bãi;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác đá;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất kết cấu thép chuyên ngành;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kiến trúc; thiết kế công trình dân dụng, giao thông; lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt; quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 03 tháng 01 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Từ ngày 04 tháng 01 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2800190392 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 03 tháng 01 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong kỳ và đến thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần gồm:

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Gia Khánh	Ủy viên
Ông Đới Sỹ Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên
Ông Lê Quang Huy	Ủy viên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Các thành viên của Hội đồng quản trị từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Gia Khánh	Ủy viên
Ông Lê Quang Huy	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ gồm:

Ông Hoàng Gia Khánh	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Giám đốc	
Ông Đới Sỹ Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Quang Huy	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/8/2015
Ông Vũ Đình Tuấn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/5/2015
Bà Hoàng Thị Oanh	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 03 tháng 01 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 02 năm 2016

TM. Ban giám đốc
Giám đốc



Hoàng Gia Khánh

Số: *30.2*/2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thanh Hóa, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 03 tháng 01 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thanh Hóa tại ngày 03 tháng 01 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Kiểm toán viên



Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 03 tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	03/01/2016	01/01/2015
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		283.123.306.875	243.725.390.964
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		35.509.635.118	593.204.821
1.	Tiền	111	V.01	35.509.635.118	593.204.821
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		205.036.984.204	205.668.070.902
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	198.268.280.076	195.541.701.322
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.855.141.471	1.938.967.087
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.913.562.657	8.187.402.493
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.04	42.576.687.553	37.464.115.241
1.	Hàng tồn kho	141		42.576.687.553	37.464.115.241
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	03/01/2016	01/01/2015
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.264.964.144	310.055.841.893
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		18.472.712.883	308.174.964.550
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	18.472.712.883	287.300.020.550
	- Nguyên giá	222		37.958.215.580	424.818.436.527
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.485.502.697)	(137.518.415.977)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	20.874.944.000
	- Nguyên giá	228		-	21.060.694.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	(185.750.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.05	-	1.399.073.427
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.399.073.427
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		792.251.261	481.803.916
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	792.251.261	481.803.916
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		302.388.271.019	553.781.232.857

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	03/01/2016	01/01/2015
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		282.656.883.603	307.278.106.182
I.	Nợ ngắn hạn	310		282.656.883.603	216.596.356.554
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	102.293.422.750	83.301.172.789
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.100.000.000	9.361.626.934
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	15.405.846.999	17.317.068.207
4.	Phải trả người lao động	314		1.791.080.004	6.133.929.684
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		61.208.185.147	30.234.023.848
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	10.375.587.902	5.047.311.253
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	66.830.000.000	64.700.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		652.760.801	501.223.839
II.	Nợ dài hạn	330		-	90.681.749.628
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.13	-	89.114.949.628
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	-	1.566.800.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.731.387.416	246.503.126.675
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	19.731.387.416	18.081.999.234
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.422.124.500	16.651.149.292
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		3.309.262.916	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	141.768.122
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	1.289.081.820
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		-	-
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		-	<i>1.289.081.820</i>
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	228.421.127.441
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.15	-	228.421.127.441
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		302.388.271.019	553.781.232.857

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Kiều Nga

Hoàng Thị Oanh



Hoàng Gia Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01 tháng 01 năm 2015 đến 03 tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	293.815.556.094	363.545.952.576
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		293.815.556.094	363.545.952.576
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	252.569.998.081	322.965.668.493
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.245.558.013	40.580.284.083
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	37.014.545	30.887.180
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	8.909.683.136	9.537.217.236
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.909.683.136	9.537.217.236
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	30.554.952.453	29.421.285.027
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.817.936.969	1.652.669.000
11.	Thu nhập khác	31		-	2.528.214.975
12.	Chi phí khác	32		-	2.528.214.975
13.	Lợi nhuận khác	40		-	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.817.936.969	1.652.669.000
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	399.946.133	363.587.180
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.417.990.836	1.289.081.820

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Thị Kiều Nga

Hoàng Thị Oanh

Hoàng Gia Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ 01 tháng 01 năm 2015 đến 03 tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.817.936.969	1.652.669.000
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		10.961.572.275	20.554.995.704
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(37.014.545)	(30.887.180)
-	Chi phí lãi vay	06		8.909.683.136	9.537.217.236
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		21.652.177.835	31.713.994.760
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		631.086.698	(50.245.631.422)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.112.572.312)	87.697.847.189
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		30.473.791.683	(72.626.816.854)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(310.447.345)	62.346.147
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(8.909.683.136)	(9.537.217.236)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(419.837.861)	(299.207.831)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		38.004.515.562	(13.234.685.247)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.454.754.355)	(196.381.548)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		766.454.545	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.014.545	30.887.180
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(3.651.285.265)	(165.494.368)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		85.310.000.000	82.580.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(84.746.800.000)	(69.153.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		563.200.000	13.427.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		34.916.430.297	26.820.385
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		593.204.821	566.384.436
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		35.509.635.118	593.204.821

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Bùi Thị Kiều Nga

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Oanh

Giám đốc



Hoàng Gia Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 tháng 01 năm 2015 đến 03 tháng 01 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH Một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết san lấp mặt bằng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết tư vấn lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc vốn chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản; cho thuê mặt bằng, kho bãi;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác đá;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất kết cấu thép chuyên ngành;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kiến trúc; thiết kế công trình dân dụng, giao thông; lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt; quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính, kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 03 tháng 01 năm 2016 là kỳ kế toán cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định tại Công ty được phân thành 2 nhóm:

Tài sản cố định nhóm 1: tài sản cố định cơ sở hạ tầng đường sắt là tài sản công ích bao gồm nhà cửa và kiến trúc hạ tầng đường sắt (hệ thống cầu đường sắt). Trong quá trình sử dụng, những tài sản nhóm này được trích hao mòn hàng năm và được hạch toán vào TK 466 – Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

Tài sản cố định nhóm 2: tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Riêng đối với một số tài sản nhận bàn giao từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam được đầu tư bằng nguồn vốn ODA, hàng năm Tổng Công ty sẽ phê duyệt số khấu hao của các tài sản này dựa vào sản lượng và đơn giá.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Phần mềm máy vi tính	05 – 10 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản nhằm mục đích cổ phần hóa.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí cho vay và đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	03/01/2016	01/01/2015
- Tiền mặt	25.387.958	11.924.203
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.484.247.160	581.280.618
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	35.509.635.118	593.204.821

02. Phải thu của khách hàng

	03/01/2016	01/01/2015
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	198.268.280.076	195.541.701.322
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	50.939.529.201	78.889.833.853
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực II	68.050.212.000	69.007.176.000
- Ban quản lý dự án Giao thông 1 Thanh Hóa	15.000.240.000	5.103.512.000
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực I	13.096.855.000	1.090.880.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	51.181.443.875	41.450.299.469
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	198.268.280.076	195.541.701.322

c) Các bên liên quan

	03/01/2016	01/01/2015
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	150.055.456.235	158.419.957.342
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	50.939.529.201	78.889.833.853
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực II	68.050.212.000	69.007.176.000
- Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực I	13.096.855.000	1.090.880.000
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Nghệ Tĩnh	1.540.368.000	1.842.711.000
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình	-	2.542.711.000
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng	2.068.353.000	472.085.000
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Bình Trị Thiên	2.535.454.000	4.047.271.000
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Ninh	120.135.000	45.440.000
- Công ty TNHH MTV QLĐS Sài Gòn	526.856.400	-
- Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình	1.539.795.000	-
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Yên Lào	6.792.769.134	481.849.489
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	2.845.129.500	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	150.055.456.235	158.419.957.342

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	03/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
03. Phải thu khác				
a) Ngắn hạn	3.913.562.657	-	8.187.402.493	-
- Tạm ứng	625.100.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.966.000.000	-	1.187.000.000	-
- Phải thu khác	1.322.462.657	-	7.000.402.493	-
+ <i>Chi phí thu gom, bảo quản, vận chuyển vật tư thu hồi</i>	514.952.319	-	89.235.000	-
+ <i>Chi phí thanh lý lô MMTB hỏng</i>	-	-	43.590.909	-
+ <i>Chi phí vật tư duy tu thường xuyên năm 2014</i>	-	-	6.461.576.584	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	807.510.338	-	406.000.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.913.562.657	-	8.187.402.493	-
04. Hàng tồn kho				
- Nguyên liệu, vật liệu	11.072.050.475	-	3.704.347.352	-
- Công cụ, dụng cụ	237.218.101	-	198.844.166	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.267.418.977	-	33.550.599.500	-
- Thành phẩm	-	-	10.324.223	-
Cộng	42.576.687.553	-	37.464.115.241	-
05. Tài sản dở dang dài hạn				
- Xây dựng cơ bản dở dang	03/01/2016	01/01/2015		
+ Sân tennis tại khách sạn đường sắt	-	1.399.073.427		
+ Máy sàng đá đa năng	-	468.117.557		
+ Nhà điều hành xí nghiệp	-	640.279.859		
Cộng	-	290.676.011		
	-	1.399.073.427		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2015	282.760.738.737	129.086.978.763	11.932.170.675	1.038.548.352	424.818.436.527
- Mua trong kỳ	-	-	1.110.360.000	-	1.110.360.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.540.083.803	-	-	-	3.540.083.803
- Tăng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	3.247.551.326	-	530.703.590	-	3.778.254.916
- Tăng do Nhà nước giao	27.479.386.800	-	-	-	27.479.386.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.599.199.049)	(1.463.514.563)	(420.633.000)	(3.483.346.612)
- Điều chuyển về Tổng Công ty	(301.802.559.323)	(116.508.246.331)	-	-	(418.310.805.654)
- Giảm khác	(974.154.200)	-	-	-	(974.154.200)
Số dư tại ngày 03/01/2016	14.251.047.143	10.979.533.383	12.109.719.702	617.915.352	37.958.215.580

II. Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư tại ngày 01/01/2015	68.641.491.036	60.543.535.616	7.651.006.452	682.382.873	137.518.415.977
- Khấu hao trong kỳ	14.794.954.667	8.990.809.834	1.087.019.416	69.413.613	24.942.197.530
- Tăng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	2.070.185.897	-	14.071.444	-	2.084.257.341
- Giảm theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	-	(720.202.202)	(516.632.146)	(6.990.400)	(1.243.824.748)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.599.199.049)	(1.367.290.908)	(420.633.000)	(3.387.122.957)
- Điều chỉnh khoản mục	-	(516.632.151)	516.632.151	-	-
- Điều chuyển về Tổng Công ty	(81.018.480.915)	(59.155.183.092)	-	-	(140.173.664.007)
- Giảm khác	(254.756.439)	-	-	-	(254.756.439)
Số dư tại ngày 03/01/2016	4.233.394.246	7.543.128.956	7.384.806.409	324.173.086	19.485.502.697

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày 01/01/2015	214.119.247.701	68.543.443.147	4.281.164.223	356.165.479	287.300.020.550
2. Tại ngày 03/01/2016	10.017.652.897	3.436.404.427	4.724.913.293	293.742.266	18.472.712.883

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 1.656.123.262 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.113.789.803 đồng và 5.614.839.414 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nền đường sắt chính tuyến	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	20.874.944.000	185.750.000	21.060.694.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Điều chuyển về Tổng Công ty	(20.874.944.000)	-	(20.874.944.000)
- Giảm khác	-	(185.750.000)	(185.750.000)
<i>Số dư tại ngày 03/01/2016</i>	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	-	185.750.000	185.750.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	(185.750.000)	(185.750.000)
<i>Số dư tại ngày 03/01/2016</i>	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày 01/01/2015</i>	20.874.944.000	-	20.874.944.000
<i>2. Tại ngày 03/01/2016</i>	-	-	-

08. Chi phí trả trước

	<u>03/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>a) Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	792.251.261	481.803.916
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	290.495.227	476.327.883
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	206.349.313	5.476.033
- Giá trị lợi thế kinh doanh	165.956.004	-
- Chi phí khác	129.450.717	-
Cộng	792.251.261	481.803.916

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuế tài chính	01/01/2015		Trong kỳ		03/01/2016
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
a) Vay ngắn hạn	64.700.000.000	64.700.000.000	85.310.000.000	83.180.000.000	66.830.000.000
- Vay ngân hàng	64.700.000.000	64.700.000.000	85.310.000.000	83.180.000.000	66.830.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	64.700.000.000	64.700.000.000	85.310.000.000	83.180.000.000	66.830.000.000
- Vay đối tượng khác	-	-	-	-	-
b) Vay dài hạn	1.566.800.000	1.566.800.000	-	1.566.800.000	-
Từ 1 năm đến 5 năm	1.566.800.000	1.566.800.000	-	1.566.800.000	-
- Vay ngân hàng	1.566.800.000	1.566.800.000	-	1.566.800.000	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	1.566.800.000	1.566.800.000	-	1.566.800.000	-
Cộng	66.266.800.000	66.266.800.000	85.310.000.000	84.746.800.000	66.830.000.000

^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Phương thức đảm bảo khoản vay bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HD ngày 19/09/2011 giữa Bên vay và Ngân hàng với giá trị theo biên bản định giá ngày 30/11/2014 là 14.743.000.000 đồng;

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 06/01/2011 giữa Bên vay với Ngân hàng với giá trị theo biên bản định giá ngày 23/05/2014 là 5.458.000.000 đồng.

^(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa để đầu tư thiết bị thi công và phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn 15%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/1 lần, lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng bộ tài sản của Công ty đang thế chấp tại Ngân hàng và tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có theo hợp đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	03/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10. Phải trả người bán				
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	102.293.422.750	102.293.422.750	83.301.172.789	83.301.172.789
- Công ty Tư vấn và Thương mại Tân Cơ	36.411.749.440	36.411.749.440	28.523.053.504	28.523.053.504
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	4.769.443.017	4.769.443.017	-	-
- Phải trả ngắn hạn dài hạn	61.112.230.293	61.112.230.293	54.778.119.285	54.778.119.285
Cộng	-	-	-	-
	102.293.422.750	102.293.422.750	83.301.172.789	83.301.172.789
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Thông tin tin hiệu đường sắt Vinh	3.274.208.660	3.274.208.660	2.221.666.642	2.221.666.642
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Hải	22.388.000	22.388.000	500.413.214	500.413.214
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng	768.844.000	768.844.000	1.523.915.300	1.523.915.300
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Đà Nẵng	2.150.779.000	2.150.779.000	2.150.779.000	2.150.779.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường Sắt	36.504.450.074	36.504.450.074	28.615.754.138	28.615.754.138
Cộng	42.720.669.734	42.720.669.734	35.012.528.294	35.012.528.294

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu tại ngày 03/01/2016	Số phải nộp tại ngày 03/01/2016
- Thuế GTGT đầu ra	-	15.177.936.439	10.834.668.990	10.900.000.000	-	15.112.605.429
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	169.837.861	399.946.133	419.837.861	-	149.946.133
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	17.926.963	17.926.963	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	459.746.000	459.746.000	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	1.969.293.907	6.000.000	1.975.293.907	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	143.295.437	-	-	143.295.437
Cộng	-	17.317.068.207	11.861.583.523	13.772.804.731	-	15.405.846.999

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	03/01/2016	01/01/2015
a) Ngắn hạn	10.375.587.902	5.047.311.253
- Kinh phí công đoàn	155.083.069	574.616
- Bảo hiểm xã hội	701.624.424	2.579.946.077
- Bảo hiểm y tế	826.293.078	-
- Phải trả về cổ phần hóa	6.049.726.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.642.861.331	2.466.790.560
+ <i>Vật tư thu hồi</i>	2.490.609.431	1.257.969.840
+ <i>Các đối tượng khác</i>	152.251.900	1.208.820.720
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.375.587.902	5.047.311.253

13. Phải trả nội bộ dài hạn

	03/01/2016	01/01/2015
- Phải trả dài hạn Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	-	89.114.949.628
Cộng	-	89.114.949.628

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	16.651.149.292	-	141.768.122	1.289.081.820	18.081.999.234
Tăng vốn trong kỳ này	76.825.901	-	-	-	3.386.088.817
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	1.417.990.836	1.417.990.836
Tăng khác	-	3.309.262.916	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này ^(*)	(305.850.693)	-	-	-	(305.850.693)
Phân phối lợi nhuận ^(**)	-	-	-	(2.707.072.656)	(2.707.072.656)
Giảm khác	-	-	(141.768.122)	-	(141.768.122)
Tại ngày 03/01/2016	16.422.124.500	3.309.262.916	-	-	19.731.387.416

^(*) Giảm vốn theo Quyết định số 2350/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

	Phân phối lợi nhuận của năm 2014	Phân phối lợi nhuận của năm 2015
(**): Chi tiết phân phối lợi nhuận		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.132.243.320	1.219.645.836
- Quỹ thưởng ban điều hành	156.838.500	198.345.000
Cộng	1.289.081.820	1.417.990.836

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	03/01/2016	Tỷ lệ %	01/01/2015	Tỷ lệ %
Vốn góp của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	16.422.124.500	100	16.651.149.292	100
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	16.422.124.500	100	16.651.149.292	100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp tại ngày 01/01/2015	16.651.149.292
+ Vốn góp tăng trong kỳ	76.825.901
+ Vốn góp giảm trong kỳ	305.850.693
+ Vốn góp tại ngày 03/01/2016	16.422.124.500

d. Các quỹ của Công ty

	03/01/2016	01/01/2015
- Quỹ đầu tư phát triển	-	141.768.122
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	-	141.768.122

15. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2015	291.332.911.581	62.911.784.140	228.421.127.441
Tăng trong kỳ ^(*)	31.311.641.742	18.073.746.776	31.311.641.742
Giảm trong kỳ ^(**)	322.644.553.323	80.985.530.916	259.732.769.183
Tại 03/01/2016	-	-	-

(*) Do nhận điều tài sản chuyển từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thanh Hóa và chuyển tài sản từ tài sản nhóm II sang tài sản nhóm I. Sau đó chuyển toàn bộ tài sản nhóm I về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

(**) Do hao mòn của những tài sản nhóm I trong năm và chuyển tài sản từ tài sản nhóm II sang tài sản nhóm I. Sau đó chuyển toàn bộ tài sản nhóm I về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Doanh thu hoạt động công ích	84.014.750.116	86.892.023.777
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	209.800.805.978	276.653.928.799
Cộng	293.815.556.094	363.545.952.576

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Doanh thu đối với các bên liên quan ^(*)	161.864.141.603	351.619.052.336
Cộng	161.864.141.603	351.619.052.336

(*) Chi tiết xem tại thuyết minh VIII.02

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Giá vốn hoạt động công ích	66.143.943.612	68.309.606.811
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	186.426.054.469	254.656.061.682
Cộng	252.569.998.081	322.965.668.493

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA
Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.014.545	30.887.180
Cộng	37.014.545	30.887.180

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Lãi tiền vay	8.909.683.136	9.537.217.236
Cộng	8.909.683.136	9.537.217.236

05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	30.554.952.453
- Chi phí nhân viên quản lý	12.312.861.779
- Chi phí vật liệu quản lý	630.971.392
- Chi phí đồ dùng văn phòng	161.395.217
- Chi phí khấu hao TSCĐ	267.993.230
- Thuế, phí và lệ phí	400.670.390
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.862.253.733
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.918.806.712
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-
Cộng	30.554.952.453

06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	399.946.133	363.587.180
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	399.946.133	363.587.180

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.821.341.565	86.489.376.694
- Chi phí nhân công	62.964.590.247	95.706.112.989
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.961.572.275	11.303.404.331
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.222.657.045	60.023.888.570
- Chi phí khác bằng tiền	19.861.284.656	13.119.933.312
Cộng	280.831.445.788	266.642.715.896

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800190392 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 03 tháng 01 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Tiền lương	1.129.225.696	1.075.032.000
Tiền thưởng	152.524.961	-
Cộng	1.281.750.657	1.075.032.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực I – Đường sắt Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty mẹ
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực II – Đường sắt Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Ninh	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Yên Lào	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Vinh	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Hải	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị Đường sắt	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường Sắt	Công ty thành viên của Công ty mẹ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Doanh thu bán hàng	124.975.453.998	165.510.471.049
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực I – Đường sắt Việt Nam		
Doanh thu xây dựng	17.181.089.091	40.870.532.728
Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực II – Đường sắt Việt Nam		
Doanh thu xây dựng	171.781.818	136.395.537.000
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Nghệ Tĩnh		
Doanh thu thi công máy	1.400.334.545	4.218.839.960
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình		
Doanh thu thi công máy	1.399.813.636	-
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Phú Khánh		
Doanh thu thi công máy	4.153.708.182	-
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng		
Doanh thu thi công máy	1.880.320.909	-
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Sài Gòn		
Doanh thu thi công máy	771.744.545	-
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Yên Lào		
Doanh thu xây dựng	6.774.928.205	3.910.437.054
Giá vốn xây dựng	-	91.934.600
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải		
Doanh thu thi công máy	2.759.503.636	-
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Ninh		
Doanh thu thi công máy	109.213.636	-
Chi nhánh vận tải đường sắt miền Bắc		
Dịch vụ	263.861.400	-
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Hải		
Dịch vụ	22.388.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội		
Giá vốn xây dựng	119.714.077	126.455.621
Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh		
Giá vốn xây dựng	3.951.911.818	4.456.485.873
Doanh thu xây dựng	-	713.234.545

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THANH HÓA

Số 46 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**Từ 01/01/2015
đến 03/01/2016****Từ 01/01/2014
đến 31/12/2014****Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị
Đường sắt – Xí nghiệp cơ khí Đông Anh**

Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ

248.806.540

-

**Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị
Đường sắt – Xí nghiệp vật liệu đường sắt**

Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ

548.099.860

-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.10, Công ty không còn các công nợ nào khác với các bên liên quan khác.

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC từ 01/01/2015 đến 03/01/2016	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.187.000.000	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn	136

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Thị Kiều Nga

Hoàng Thị Oanh

Hoàng Gia Khánh